

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng 7 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước
của Công ty TNHH Một thành viên cao su Thanh Hóa**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước;

Căn cứ Quyết định số 10/2018/QĐ-UBND, ngày 22/3/2018 của UBND tỉnh ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 1535/QĐ-UBND ngày 05/5/2020 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước của Công ty TNHH Một thành viên cao su Thanh Hóa;

Căn cứ Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất số 309/GP-UBND ngày 06/8/2015 và Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất số 103/GP-UBND ngày 17/6/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh (gia hạn, điều chỉnh lần 1);

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 646/TTr-STNMT ngày 07 tháng 7 năm 2020 về việc phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước của Công ty TNHH Một thành viên cao su Thanh Hóa.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước của Công ty TNHH Một thành viên cao su Thanh Hóa, theo Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất số 309/GP-UBND ngày 06/8/2015 và Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất số 103/GP-UBND ngày 17/6/2020 (gia hạn, điều chỉnh lần 1) của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa, với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Tổ chức, cá nhân nộp tiền: Công ty TNHH Một thành viên cao su Thanh Hóa; địa chỉ: Đường Lý Nam Đế, phường Đông Hương, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa;

2. Công trình khai thác, sử dụng nước: 02 giếng khai thác nước dưới đất nằm trong khu đất của đơn vị tại Làng Sành, xã Cẩm Ngọc, huyện Cẩm Thủy;

3. Mục đích sử dụng nước phải nộp tiền: Phục vụ nhu cầu ăn uống, sinh hoạt và các hoạt động sản xuất Nhà máy chế biến mủ cao su;

4. Giá tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước:

- $G_1 = 5.000$ đồng/ m^3 (đối với nước dưới đất dùng cho chế biến nông sản, vệ sinh công nghiệp);

- $G_2 = 70.000$ đồng/ m^3 (đối với nước dưới đất dùng sản xuất phi nông nghiệp);

5. Sản lượng tính tiền cấp quyền khai thác:

* Theo Giấy phép số 309/GP-UBND ngày 06/8/2015:

- Sản lượng dùng cho sản xuất, chế biến mủ cao su, vệ sinh công nghiệp:

$$W_1 = 1.019 \text{ ngày} \times 114 \text{ m}^3/\text{ngày,đêm} = 116.166 \text{ m}^3$$

- Sản lượng dùng cho ăn uống, sinh hoạt và các hoạt động sản xuất:

$$W_2 = 1.019 \text{ ngày} \times 6 \text{ m}^3/\text{ngày,đêm} = 6.114 \text{ m}^3.$$

Thời gian tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước tính từ ngày 01/9/2017 đến hết ngày 16/6/2020 (ngày hết hiệu lực giấy phép khai thác nước số 309/GP-UBND) là 1.019 ngày.

* Theo Giấy phép số 103/GP-UBND ngày 17/6/2020:

- Sản lượng dùng cho sản xuất, chế biến mủ cao su:

$$W_3 = 915 \text{ ngày} \times 118 \text{ m}^3/\text{ngày,đêm} = 107.970 \text{ m}^3$$

- Sản lượng dùng cho sinh hoạt của cán bộ, công nhân công ty:

$$W_4 = 915 \text{ ngày} \times 2 \text{ m}^3/\text{ngày,đêm} = 1.830 \text{ m}^3.$$

Thời gian tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước tính từ ngày 17/6/2020 đến hết ngày 16/6/2025 (ngày hết hiệu lực giấy phép khai thác nước số 103/GP-UBND), tính từ tháng 6 đến tháng 12 hàng năm là 915 ngày.

- Tổng sản lượng nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước:

$$W = W_1 + W_2 + W_3 + W_4 = 232.080 \text{ m}^3.$$

6. Hệ số điều chỉnh: $K = 1 + (0,3 + 0 + 0,1) = 1,4$;

7. Mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước: $M = 1,5 \%$ (Mức thu khai thác nước dùng cho sản xuất phi nông nghiệp);

8. Tổng số tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đơn vị phải nộp là:

* Số tiền phải nộp theo Giấy phép số 309/GP-UBND ngày 06/8/2015:

- Số tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước phải nộp cho mục đích sản xuất, chế biến mủ cao su:

$$T_1 = (W_1 \times G_1 \times K \times M) = (116.166 \text{ m}^3 \times 5.000 \text{ đồng}/\text{m}^3 \times 1,4 \times 1,5\%) = 12.197.430 \text{ đồng};$$

- Số tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước phải nộp cho sinh hoạt:

$$T_2 = (W_2 \times G_2 \times K \times M) = (6.114 \text{ m}^3 \times 70.000 \text{ đồng/m}^3 \times 1,4 \times 1,5\%) = 8.987.580 \text{ đồng};$$

- Tổng số tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đơn vị phải nộp:

$$T' = T_1 + T_2 = 21.185.010 \text{ đồng.}$$

* Số tiền phải nộp theo Giấy phép số 103/GP-UBND ngày 17/6/2020:

- Số tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước phải nộp cho mục đích sản xuất, chế biến mủ cao su:

$$T_3 = (W_3 \times G_1 \times K \times M) = (107.970 \text{ m}^3 \times 5.000 \text{ đồng/m}^3 \times 1,4 \times 1,5\%) = 11.336.850 \text{ đồng};$$

- Số tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước phải nộp cho sinh hoạt:

$$T_4 = (W_4 \times G_2 \times K \times M) = (1.830 \text{ m}^3 \times 70.000 \text{ đồng/m}^3 \times 1,4 \times 1,5\%) = 2.690.100 \text{ đồng};$$

- Tổng số tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đơn vị phải nộp:

$$T'' = T_3 + T_4 = 14.026.950 \text{ đồng.}$$

* Tổng số tiền cấp quyền khai thác nước đơn vị phải nộp là:

$$T = T' + T'' = 21.185.010 \text{ đồng} + 14.026.950 \text{ đồng} = 35.211.960 \text{ đồng.}$$

(Bằng chữ: Ba mươi lăm triệu hai trăm mười một nghìn chín trăm sáu mươi đồng).

9. Phương án nộp tiền: Nộp hàng năm và phân ra từng năm như sau:

- Số tiền nộp năm 2020 (=2017+2018+2019+2020): 23.745.120 đồng;

- Số tiền phải nộp hàng năm tiếp theo (2021-2024): 2.805.390 đồng;

- Số tiền nộp năm cuối 2025 (tính đến hết ngày 16/6/2025): 245.280 đồng.

10. Số tiền, thời gian, địa điểm nộp tiền: Thực hiện theo Thông báo của Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa;

11. Trường hợp có vướng mắc, Công ty TNHH Một thành viên cao su Thanh Hóa liên hệ với Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa để được hướng dẫn, giải quyết kịp thời.

Điều 2. Căn cứ nội dung Điều 1 Quyết định này và các quy định hiện hành của Nhà nước, các đơn vị có trách nhiệm:

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:

Hàng năm, tổng hợp kết quả phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, báo cáo UBND tỉnh và Cục Quản lý

tài nguyên nước, Bộ Tài nguyên và Môi trường (*trước ngày 15 tháng 12*); đồng thời chủ trì, phối hợp với Cục Thuế tỉnh, Sở Tài chính và các ngành, đơn vị liên quan kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm pháp luật về tính, thu, nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo quy định.

2. Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa có trách nhiệm :

- Ban hành thông báo đến Công ty TNHH Một thành viên cao su Thanh Hóa về số tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước phải nộp ngân sách Nhà nước năm 2020 chậm nhất là 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Quyết định này;

- Ban hành các thông báo nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, tiền chậm nộp, tiền phạt theo quy định của pháp luật về quản lý thuế do quá thời hạn ghi trên thông báo (*nếu có*) và gửi Công ty TNHH Một thành viên cao su Thanh Hóa; tổng hợp, hạch toán, báo cáo số thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo chế độ hiện hành;

- Định kỳ hàng năm (*trước ngày 15 tháng 12*) tổng hợp kết quả thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa gửi Sở Tài chính và Sở Tài nguyên và Môi trường để theo dõi, tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

3. Công ty TNHH Một thành viên cao su Thanh Hóa có trách nhiệm:

- Nộp số tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước vào ngân sách Nhà nước đúng thời hạn theo thông báo của Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa;

- Sau khi nhận được giấy chứng nhận đã nộp tiền vào ngân sách nhà nước, Công ty TNHH Một thành viên cao su Thanh Hóa gửi 01 bản sao có chứng thực về Sở Tài nguyên và Môi trường Thanh Hóa để theo dõi;

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực của việc kê khai tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước; trường hợp phát hiện kê khai không trung thực dẫn đến giảm số tiền phải nộp thì sẽ bị truy thu và xử lý theo quy định của pháp luật;

- Nếu phát sinh các trường hợp phải điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước quy định tại Khoản 1, Điều 12, Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, Công ty TNHH Một thành viên cao su Thanh Hóa phải lập ngay hồ sơ điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo quy định.

4. UBND huyện Cẩm Thủy; UBND xã Cẩm Ngọc, huyện Cẩm Thủy thực hiện công tác quản lý nhà nước về tài nguyên nước trên địa bàn theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1535/QĐ-UBND ngày 05/5/2020 của UBND tỉnh.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Tài chính; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa; Chủ tịch UBND huyện Cẩm Thủy; Chủ tịch UBND xã Cẩm Ngọc, huyện Cẩm Thủy; Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên cao su Thanh Hóa; Thủ trưởng các ngành và đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
 - Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
 - PCT TT Nguyễn Đức Quyền;
 - Trung tâm hành chính công tỉnh;
 - Lưu: VT, NN, KTTC (HYT).
- QDKP 20-196

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Mai Xuân Liêm